

ISSN 0868 - 2771

LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU CỦA HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

QUYẾT THẮNG



BAO VỆ ỮNG CHẮC THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG

KỶ NIỆM 60 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG VIỆT NAM
TÍNH DÙNG BỘ CỤM HI THỐNG NHẤT TRƯỞNG ĐỀN QUỐC TH
TANG TRƯỞNG KINH TẾ VỚI TIỀN ĐẢNG VÀ CÔNG ĐẢNG XÃ HỘI
PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỰ DO HỢP NHẤT HỒ CHÍ MINH

12

2014

LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU CỦA HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TẠP CHÍ XUẤT BẢN
MỖI THÁNG MỘT LẦN
SỐ 12 - 2004

TÒA SOẠN: 56B QUỐC TỬ GIÁM, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI
DIỆN THOẠI: 08048132, 8455164 FAX: 8431941
GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ 06/GP - BVHTT, NGÀY 5-1-2001

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 60 NĂM NGÀY THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

- Trần Nam Chuân:* Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Quân đội nhân dân. 3
Phạm Văn Nhuận: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc của quân đội. 6
Đỗ Lai Tiếp: Phát huy truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam trong thời kỳ mới. 10
Văn Đức Thanh: Giải quyết vấn đề hậu phương quân đội trong chiến tranh - lịch sử và hiện tại. 13

NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

- Đặng Hữu:* Phát triển bền vững dựa trên tri thức. 18
Trần Văn Chữ: Tinh đồng bộ của hệ thống thị trường ở nước ta - những vấn đề lý luận và thực tiễn. 24
Vũ Viết Mỹ: Tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. 30
Nguyễn Văn Khánh: Cơ cấu và tình hình sử dụng ruộng đất ở châu thổ sông Hồng trong thời kỳ đổi mới. 35
Phạm Ngọc Trung: Giải pháp phát triển kinh tế tư nhân ở thành phố Hồ Chí Minh. 41
Nguyễn Thị Hương - Trần Tuyết Lan: Giải pháp tăng cường chuyển giao công nghệ cho các trang trại nông thôn Tây Bắc. 43
Hoàng Hùng Hải: Bảo đảm quyền dân sự, chính trị trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam. 47
Mai Thị Chung: Nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của chính quyền cấp xã. 54
Lê Thị Oanh: Tìm hiểu tư tưởng chính trị "lấy dân làm gốc" từ thế kỷ 10 đến thế kỷ 15 ở Việt Nam. 58

NHÌN RA THẾ GIỚI

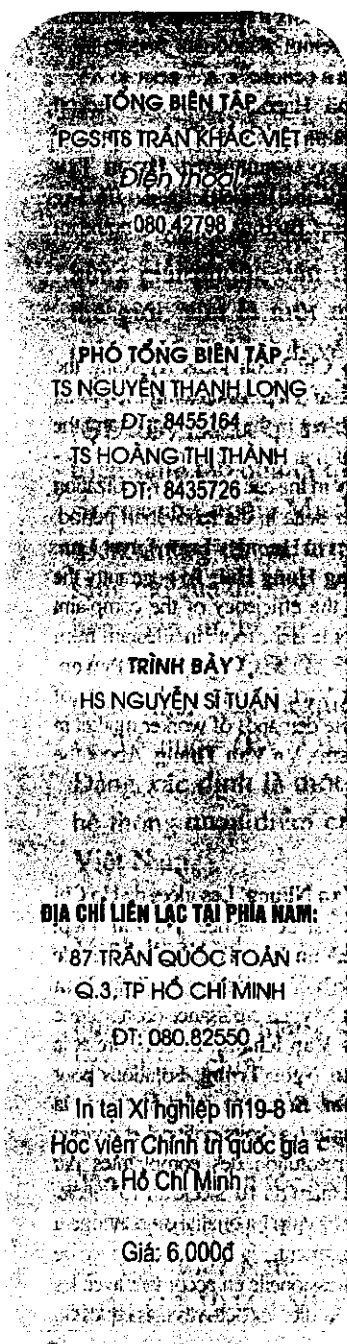
- Xôn Tha-nu:* Vai trò của văn hóa trong quá trình phát triển kinh tế ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. 61
Chăn-xôm In-tha-von: Chất lượng đội ngũ đảng viên ở nông thôn tỉnh Xiêng Khoảng trong thời kỳ mới. 65

NGUỒN NHÂN LỰC TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

- Đặng Quốc Việt:* Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe đồng bào các dân tộc ít người. 68
Nguyễn Thị Miến: Hoàn thiện công tác dạy nghề phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động nước ta. 73

THAO ĐOÀN Ý KIẾN

- Đỗ Thế Tùng:* Một số phương pháp chủ yếu nghiên cứu các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. 78
Võ Văn Thắng: Về khái niệm lối sống. 85
TỔNG MỤC LỤC TẠP CHÍ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ NĂM 2004 89



СОДЕРЖАНИЕ

Чан Нам Тюан: Идея Хо Ши Мина о строительстве Народной Армии. **Фам Ван Ньюан:** Идея Хо Ши Мина о строительстве в армии качества рабочего класса, народности и национальности. **До Лай Тьеп:** Развивать славные традиции Вьетнамской Народной Армии в новом периоде. **Ван Дык Тхань:** Решать проблему тыла в войне-история и современность. **Данг Хью:** Прочное развитие на основе знаний. **Чан Ван Тьы:** Совокупный характер рыночной системы в нашей стране: теоретические и практические проблемы. **Ву Вьет Ми:** Экономический рост, прогресс и социальное равенство в деле индустриализации, модернизации. **Нгуэн Ван Кхань:** Структура и обстоятельство использования земли в дельте Красной Реки в периоде обновления. **Фам Нгок Чунг:** Мероприятия по развитию частной экономики в городе Хо Ши Мина. **Нгуэн Тхи Хьонг - Чан Тьует Лан:** Мероприятия по усилению технологической передачи в сельскохозяйственных фирмах северного запада. **Хоанг Хунг Хай:** Гарантирование политических и гражданских прав во Вьетнаме в периоде обновления. **Май Тхи Тюнг:** Повышение результатов принятия решений жалобных заявлений у административных деревенской уровни. **Ле Тхи Оань:** Изучение политической идеи "народ в основе" с X^{го} до XV^{го} века во Вьетнаме. **Сон Тхану:** Роль культуры в экономическом развитии в Лаосской Народно-демократической Республике. **Тьясом Интхавон:** Качество контингента партийных членов в деревнях провинции Сиен Хоанга в новом периоде. **Данг Куок Вьет:** Повышение качества здравоохранения народов национального меньшинства. **Нгуэн Тхи Мьен:** Улучшение профессионального обучения в соответствии с требованиями трудового рынка нашей страны. **До Тхе Тунг:** Некоторые основные методы изучения произведений классиков марксизма - ленинизма. **Во Ван Тханг:** О понятии образа жизни.

CONTENTS

Tran Nam Chuan: Ho Chi Minh ideas on building Popular Army. **Pham Van Nhuon:** Ho Chi Minh ideas regarding the establishment of the essence of working class, popular and national character of the army. **Do Lai Tiep:** Enhancing the glorial traditions of Vietnam's Popular Army in the new period. **Van Duc Thanh:** Settlement of rear problem in the war - history and the present. **Dang Huu:** Durable development based on knowledge. **Tran Van Chu:** The complex of market system in our country - theoretical and practical problems. **Vu Viet My:** Economic growth with progress and social equality in the cause of industrialization and modernization. **Nguyen Van Khanh:** Structure and situation of using land in the Red River delta in the renovation period. **Pham Ngoc Trung:** Solutions for developing the private economy in Ho Chi Minh city. **Nguyen Thi Huong - Tran Tuyet Lan:** Solutions for enhancing the technological transmission in countryside firms of nothern west. **Hoang Hung Hai:** To guaranty the political and civic rights in the renovation period in Vietnam. **Mai Thi Chung:** To reinforce the efficiency of the complaint settlement by the administration in the village. **Le Thi Oanh:** Studying the political ideas "The people is the root" in Vietnam from the 10th century to 15th century. **Son Thanu:** The cultural role in the economic development in DPR of Laos. **Chansom Inthavon:** The quality of party members contingent in Sien Khoang province in the new period. **Dang Quoc Viet:** To enhance the quality of ethnies people's health care. **Nguyen Thi Mien:** To mature the professional education according the demands of worker market in our country. **Do The Tung:** Some main methods to study classic works of the Marxism - Leninism. **Vo Van Thang:** About the notion of life style.

SOMMAIRE

Tran Nam Chuan: Les idées de Ho Chi Minh sur la construction de l'Armée Populaire. **Pham Van Nhuon:** Les idées de Ho Chi Minh sur l'établissement de la nature de la classe ouvrière, des caractères populaire et national de l'armée. **Do Lai Tiep:** Développer les traditions glorieuses de l'Armée Populaire du Vietnam's dans la nouvelle période. **Van Duc Thanh:** Résoudre le problème de l'arrière dans la guerre - l'histoire et le présent. **Dang Huu:** Le développement durable basé sur les savoirs. **Tran Van Chu:** Le complexe du système du marché à notre pays - problèmes théorique et pratique. **Vu Viet My:** La croissance économique avec le progrès et l'égalité sociale dans la cause de l'industrialisation et la modernisation. **Nguyen Van Khanh:** La structure et la situation d'utilisation de la terre au delta du Fleuve Rouge dans la période de rénovation. **Pham Ngoc Trung:** Solutions pour développer l'économie privée à Ho Chi Minh ville. **Nguyen Thi Huong - Tran Tuyet Lan:** Solutions pour renforcer la transformation technologique dans les firmes agricoles du nord - ouest. **Hoang Hung Hai:** Garantir les droits political et civique dans la période de rénovation au Vietnam. **Mai Thi Chung:** Renforcer l'efficacité de la résolution des plaintes par l'administration de commune. **Le Thi Oanh:** Etudier l'idée politique "Le peuple est racine" au Vietnam du 10^e siècle au 15^e siècle. **Son Thanu:** Le rôle culturel dans le développement économique à la RDP du Laos. **Chansom Inthavon:** La qualité du contingent des membres du parti en province de Sien Khoang dans la nouvelle période. **Dang Quoc Viet:** Augmenter la qualité du service de la santé publique pour les nationalités minoritaires. **Nguyen Thi Mien:** Améliorer l'éducation professionnelle en accordant avec les demandes du marché de travail à notre pays. **Do The Tung:** Quelques méthodes principales pour étudier les oeuvres classiques du Marxisme - Léninisme. **Vo Van Thang:** Sur la notion du mode de vie.

CƠ CẤU VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG RUỘNG ĐẤT Ở CHÂU THỔ SÔNG HỒNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

PGS, TS NGUYỄN VĂN KHÁNH
Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội

Châu thổ sông Hồng (CTSH) bao gồm Thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng và 9 tỉnh là Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Tây, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình, với diện tích tự nhiên là 1.478,9 nghìn ha và 16,83 triệu người (chiếm 22,05% dân số cả nước)⁽¹⁾.

Là vùng kinh tế trọng yếu của đất nước, CTSH có lịch sử phát triển lâu đời và là cái nôi của nền văn minh lúa nước Việt Nam. Từ sau khi thực hiện cơ chế khoán theo Chỉ thị 100-CT/TW (năm 1981) đến nay, năng suất lúa ở khu vực này đã tăng gấp 3 lần so với năng suất lúa của miền bắc vào năm 1974, đưa sản lượng lúa thu được đạt 6,7 triệu tấn (năm 2002). Nguyên nhân chủ yếu của những biến đổi đó là do sự thay đổi về diện tích và quan hệ sử dụng ruộng đất đã có tác động tới những chuyển biến

của sản xuất nông nghiệp ở vùng này trong thời kỳ đổi mới.

I. TÌNH HÌNH RUỘNG ĐẤT Ở CHÂU THỔ SÔNG HỒNG TRƯỚC NĂM 1988

Từ năm 1958, hầu hết ruộng đất cũng như sản xuất nông nghiệp ở miền bắc đều được tập thể hóa và đặt dưới sự quản lý của các hợp tác xã (HTX) – HTX quản lý hầu hết đất đai, đặc biệt là đất nông nghiệp. Năm 1980, toàn bộ 2.239.776 ha đất nông nghiệp ở miền bắc thuộc quyền quản lý của HTX, bình quân 202 ha/1 HTX, riêng ở CTSH con số đó là 729.640 ha và 340 ha/1 HTX⁽²⁾.

Đến giữa những năm 80, mặc dù chính sách khoán 100 đã được thực hiện, nhưng về cơ bản, cơ cấu ruộng đất ở CTSH vẫn chưa có sự thay đổi đáng kể so với thời kỳ trước đó.

Bảng 1. Tình hình ruộng đất ở châu thổ sông Hồng sau khoán 100

Loại đất	Năm 1985		Năm 1987	
	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Đất tự nhiên	1.153.179	100,00	1.152.693	100,00
Đất nông nghiệp	662.185	57,42	656.114	56,92
Đất lâm nghiệp	37.683	57,42	37.667	3,20
Đất chuyên dùng	138.435	12,00	134.039	11,62
Đất thổ cư	101.665	8,80	107.659	9,33
Đất chưa sử dụng	213.031	18,47	217.214	18,84

Nguồn: Tổng cục Thống kê: *Hiện trạng sử dụng đất năm 1985-1987*.
Tổng cục Quản lý ruộng đất.

So với đầu thập niên 1980, diện tích đất canh tác ở CTSH không những không được mở rộng, mà còn giảm đi khá nhiều (6.071 ha trong vòng 2 năm). So với các địa phương khác, đây là nơi có bình quân đất canh tác thấp nhất. Năm 1985, bình quân diện tích canh tác ở khu vực này chỉ đạt 3488m²/ hộ, thấp hơn so với mức bình quân hộ của miền bắc (thời kỳ trước năm 1957) là 360 m²(3).

Trước năm 1988, diện tích, cơ cấu và quan hệ sử dụng ruộng đất ở CTSH nhìn chung chưa có thay đổi đáng kể: diện tích ruộng đất không tăng, bình quân ruộng đất thấp, hầu hết ruộng đất vẫn thuộc quyền quản lý của HTX. Đây là lý do chủ yếu khiến cho nền nông nghiệp ở đây chưa có nhiều chuyển biến tích cực, chưa có những thành tựu nổi bật, xứng đáng với tầm vóc của khu vực – một vùng nông thôn giàu tiềm năng phát triển.

II- CƠ CẤU VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG RUỘNG ĐẤT Ở CHÂU THỔ SÔNG HỒNG TỪ NĂM 1988

1. Thay đổi về diện tích, cơ cấu và quan hệ sử dụng ruộng đất

Từ năm 1986 trở đi, thực hiện chủ trương đổi mới toàn diện đất nước của Đảng và Nhà nước, nền kinh tế nói chung, kinh tế nông nghiệp Việt Nam nói riêng đã từng bước chuyển biến mạnh mẽ với mức tăng trưởng hàng năm ngày càng

tăng. Một trong những yếu tố quyết định bước phát triển của kinh tế nông nghiệp trong những năm qua là chính sách đổi mới trong quan hệ sở hữu và sử dụng ruộng đất.

Trước yêu cầu đổi mới và tiếp tục phát triển kinh tế nông nghiệp, ngày 5-4-1988, Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VI) về *Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp* (gọi tắt là khoán 10), và sau đó là Luật Đất đai (tháng 7-1993), Luật Hợp tác xã (1-1-1997)... lần lượt ra đời. Theo đó, ruộng đất vẫn thuộc sở hữu nhà nước, nhưng người nông dân có quyền sử dụng ổn định lâu dài tùy theo loại cây canh tác (10-15 năm với cây trồng hàng năm, 50 năm đối với cây lâu năm). Bên cạnh quyền chủ động sử dụng ruộng đất vào các mục đích sản xuất kinh doanh theo quy định của Nhà nước, người nông dân còn có quyền chuyển đổi, sang nhượng, cho thuê, thế chấp ruộng đất. Như vậy, về thực chất, ruộng đất đã được chuyển từ chế độ sở hữu tập thể sang chế độ công hữu tư dụng, hay sở hữu tư nhân hạn chế. Với sự thay đổi này, Nhà nước đã tạo những điều kiện thuận lợi để khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên, đặc biệt là đất đai phục vụ phát triển nông nghiệp.

Từ sau năm 1988, dưới tác động của chính sách đổi mới về ruộng đất, cơ cấu và diện tích các loại đất ở CTSH có khá nhiều thay đổi.

Bảng 2. Tình hình sử dụng đất đai ở châu thổ sông Hồng từ năm 1990 đến nay

Các loại đất	1990		1995		2000		2002	
	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Đất tự nhiên	1.153.027	100	1.265.456	100	1.261.404	100	1.262.978	100
Đất nông nghiệp	653.226	56,65	720.218	57,09	738.748	58,57	737.017	58,36
Đất lâm nghiệp	48.280	4,18	61.028	4,83	88.099	6,98	90.811	7,19
Đất chuyên dùng	161.385	13,99	193.582	15,34	200.511	15,89	205.333	16,26
Đất thổ cư	76.739	6,65	78.232	6,20	80.818	6,41	80.996	6,41
Đất chưa sử dụng	213.442	18,50	208.396	16,50	153.188	12,15	148.821	11,78

Nguồn: Tổng cục Thống kê: *Hiện trạng sử dụng đất các năm từ 1990 đến 2002*.

Rõ ràng, diện tích đất canh tác đã không ngừng tăng lên từ 1.153.027 ha (năm 1990) lên 1.262.978 ha (năm 2002). Nguyên nhân chủ yếu là do chính quyền và nhân dân các tỉnh này đã tổ chức thực hiện tốt chính sách khai hoang, vỡ hóa. Năm 2002, diện tích gieo trồng tăng thêm 109.957 ha so với năm 1990, trung bình mỗi năm tăng 9.163 ha. Do tác động của quá trình CNH, HDH nông nghiệp, nông thôn, diện tích đất lâm nghiệp, đất chuyên dùng và các loại đất phi nông nghiệp khác cũng được mở rộng nhanh chóng.

Là vùng chủ yếu phát triển các loại cây lương thực, đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) có tỷ lệ đất lâm nghiệp tương đối thấp (chiếm không quá 8% diện tích đất tự nhiên của cả vùng và dưới 1% diện tích rừng của cả nước). Tuy nhiên, từ năm 1995 đến nay, diện tích đất lâm nghiệp lại có chiều hướng tăng dần lên; trong vòng 8 năm 1995-2002 đã tăng thêm 29.783 ha. Trong đó, hai địa phương có diện tích rừng lớn nhất là Hải Phòng (21.437 ha) và Ninh Bình (20.007 ha, với hai vườn quốc gia Cát Bà và Cúc Phương), chiếm 45,6% tổng diện tích đất lâm nghiệp toàn vùng.

Diện tích đất chuyên dùng ở CTSH cũng có chiều hướng tăng dần qua các năm, chủ yếu là để phục vụ xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi và các công trình công cộng. Đến năm 2002, diện tích đất chuyên dùng đạt 205.333 ha, tăng gần 1,3 lần so với năm 1990 (161.385 ha).

Một điểm đáng chú ý là, trong khi dân số luôn có xu hướng gia tăng thì đất thổ cư của CTSH lại ít có sự biến đổi. Trong vòng 3 năm trở lại (2001-2003), dân số của khu vực này luôn đạt ở mức cao nhất trong cả nước (trên 17.000.000 người) với mật độ tương đối đông đúc, khoảng 1124 người/km² (năm 1994), cao gấp 5 lần so với mật độ trung bình của cả nước. Tuy nhiên, cho tới nay, diện tích đất thổ cư của khu vực này chưa bao giờ vượt quá 7% so với tổng diện tích đất đai, năm cao nhất đạt 6,93%. Từ năm 2000

đến nay, tỷ lệ này ổn định ở mức 6,4%, trong đó các địa phương có tỷ lệ đất thổ cư cao nhất vùng là Hà Nội (14,6%), Hải Dương (13,8%), Thái Bình (15,3%) và Hà Tây (15,9%)⁽⁵⁾.

Trong khi diện tích các loại đất phi nông nghiệp gia tăng thì diện tích đất nông nghiệp ở ĐBSH gần như chững lại. Trong những năm gần đây, tỷ lệ đất nông nghiệp luôn chiếm khoảng 56%-58% so với tổng diện tích đất, đứng thứ hai cả nước (sau đồng bằng sông Cửu Long - ĐBSCL), bao gồm các loại đất trồng cây lương thực, trồng cây lâu năm, trồng cỏ chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

Bảng 3: Các loại đất nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng năm 2002

Loại đất	Diện tích
1. Đất trồng cây hằng năm	613.829
Đất ruộng lúa, lúa màu	570.373
Đất nương rẫy	204
Đất trồng cây hằng năm khác	43.252
2. Đất vườn tạp	45.460
3. Đất trồng cây lâu năm	20.835
4. Đất cỏ dùng vào chăn nuôi	1.374
5. Đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản	55.519
Tổng cộng	737.017

Nguồn: Tổng cục Địa chính:
Hiện trạng sử dụng đất năm 2002.

Đất nông nghiệp của CTSH chủ yếu được sử dụng để trồng cây lương thực với diện tích chiếm tới 92,9%. Ngoài ra, còn có nhiều ao, hồ, thung, vũng... chiếm tới 7,5% tổng diện tích tự nhiên, là điều kiện thuận lợi để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản.

2. Biến đổi trong năng suất và sản lượng nông nghiệp

Do tác động của chính sách giao khoán ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân và sự biến đổi về phương thức quản lý và sử dụng ruộng đất, sản lượng và năng suất các loại nông sản đều

tăng nhanh, nhất là cây lúa. Nhưng, nguyên nhân làm tăng sản lượng lúa ở khu vực này không phải do sự mở rộng diện tích canh tác mà là do các nông hộ đã triệt để khai thác phần ruộng đất được giao để thâm canh tăng năng suất.

Bảng 4: Diện tích, năng suất, sản lượng lúa của đồng bằng sông Hồng từ năm 1976 đến năm 2003.

Năm	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1976	1.060.500	27,8	2.903.000
1985	1.051.800	29,4	3.091.900
1989	1.057.500	35,4	3.743.600
1990	1.057.500	34,2	3.618.100
1991	1.013.800	29,3	3.038.000
1992	1.024.700	40,0	4.101.600
1993	1.033.500	46,8	4.843.300
1994	1.026.800	40,1	4.121.300
1995	1.042.100	44,4	4.623.100
1996	1.023.100	47,0	4.811.800
1997	1.044.400	48,0	5.076.600
1998	1.046.700	51,3	5.364.900
1999	1.202.800	53,1	6.383.000
2000	1.212.600	54,3	6.586.000
2001	1.202.500	53,4	6.419.400
2002	1.196.600	56,4	6.752.200
2003	1.183.600	55,5	6.567.700

Nếu năm 1976, năng suất lúa của ĐBSH chỉ mới đạt 27,8 tạ/ha thì đến năm 1989 đã đạt 35,4 tạ/ha. Đặc biệt, từ năm 1998 đến nay, năng suất lúa ở ĐBSH luôn đạt ở mức cao nhất cả nước - 52-54 tạ/ha. Trong đó, một số huyện năng suất bình quân đạt gấp đôi như huyện Cẩm Bình (Hải Dương) đạt 97,6 tạ/ha ⁽⁶⁾, Hưng Hà (Thái Bình) đạt 135 tạ/ha ⁽⁷⁾ (năm 1998).

Trên cơ sở năng suất liên tục tăng nhanh, sản lượng lúa ở khu vực này cũng ngày càng lớn.

Trong ba năm gần đây (2001-2003), sản lượng lúa của ĐBSH luôn đạt ở mức trên 6 triệu tấn/năm, cao nhất là năm 2002 đạt 6.752 nghìn tấn. Cùng với việc nâng cao năng suất và sản lượng lúa, nhiều địa phương trong khu vực đã chủ động đổi mới cơ cấu giống lúa theo hướng giảm dần diện tích trồng các giống lúa có chất lượng thấp, tăng tỷ trọng diện tích gieo trồng các giống lúa có chất lượng cao phù hợp với nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Rõ ràng, nhờ thực hiện chính sách giao khoán ruộng đất lâu dài cho nông dân và việc đề cao vai trò chủ thể của kinh tế hộ, sản xuất nông nghiệp ở CTSH nói riêng, ở nước ta nói chung đã có những biến đổi nhanh chóng trong hai thập niên qua. Sự chuyển biến về năng suất và sản lượng lương thực đã tạo cơ sở tăng nhanh mức bình quân lương thực trên đầu người. Tuy nhiên, so với khu vực ĐBSCL, mức bình quân lương thực ở CTSH luôn thấp hơn từ 2 đến 3 lần. Tính chất hàng hóa và năng lực xuất khẩu của sản xuất nông nghiệp của vùng này còn chậm và hạn chế nhiều so với ĐBSCL.

Để đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hóa ở vùng CTSH, sản xuất nông nghiệp phải tiến theo hướng thâm canh, tăng vụ, mở rộng ứng dụng những tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất. Bên cạnh đó, vấn đề quan trọng nhất là phải giảm nhanh tỷ lệ hộ thuần nông, phát triển hộ đa nghề, thực hiện chuyên môn hóa theo hướng ai giỏi nghề gì làm việc ấy trong khuôn khổ cho phép của pháp luật.

III- TÌNH HÌNH RUỘNG ĐẤT Ở CHÂU THỔ SÔNG HỒNG HIỆN NAY VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Những thành tựu của kinh tế nông nghiệp khu vực ĐBSH trong hơn hai thập niên qua là kết quả không thể phủ nhận do tác động của chính sách đổi mới trong cơ cấu và quan hệ sử dụng ruộng đất mang lại. Tuy nhiên, thực trạng ruộng

đất cũng như tình hình nông nghiệp, nông thôn ở khu vực này hiện đang đặt ra những vấn đề cần được giải quyết thỏa đáng và kịp thời.

1. *Tình trạng giảm sút ngày càng nhanh diện tích canh tác đã làm mất dần lợi thế và tiềm năng phát triển nông nghiệp của vùng CTSH.*

Ngoài lý do gia tăng nhanh chóng về dân số và số hộ nông nghiệp còn có một nguyên nhân khác là sự tác động của quá trình CNH, HĐH đang diễn ra với tốc độ ngày một nhanh ở khu vực này, với sự xuất hiện của một loạt các khu công nghiệp. Đặc biệt, Hà Nội là địa phương có

diện tích đất canh tác giảm mạnh nhất do quá trình mở rộng nhiều khu đô thị mới như Bắc Linh Đàm, Định Công, Mỹ Đình... cùng các trục đường cao tốc Hà Nội - Hòa Lạc, Hà Nội - Nội Bài...

Hiện nay, quỹ đất nông nghiệp của ĐBSH chỉ chiếm khoảng 9,5% đất nông nghiệp của cả nước. Trong khi đó, số hộ nông nghiệp chiếm 23,5%, nhân khẩu chiếm 21% và lao động nông nghiệp chiếm 19,5% tổng số hộ, khẩu và lao động nông nghiệp của cả nước⁽⁸⁾. Có thể thấy rõ tình hình này qua bảng kê sau:

Bảng 5: Bình quân ruộng đất ở đồng bằng sông Hồng (1985-1998)

Năm	Tổng diện tích đất nông nghiệp (ha)	Tổng số hộ nông nghiệp (hộ)	B.quân hộ nông nghiệp (m ²)	Tổng số khẩu nông nghiệp (khẩu)	DT b.quân khẩu nông nghiệp (m ²)	Tổng số lao động nông nghiệp (người)	DT b.quân lao động nông nghiệp (m ²)
1985	662.185	1.892.800	3488	2.674.300	860	2.647.600	2494
1990	653.226	2.167.900	3004	8.521.700	764	3.074.900	2118
1995	720.218	2.643.000	2173	10.814.000	664	4.833.000	1846
1998	720.747	2.647.000	2715	10.793.000	665	4.997.000	1438

Nguồn: Tổng cục Thống kê: *Hiện trạng sử dụng đất năm 1985, 1990-1998*, Tổng cục Quản lý ruộng đất.

Như vậy, chỉ trong vòng 9 năm (1990-1998), trung bình mỗi năm đất canh tác của CTSH giảm 150 m²/hộ. Có đến 96% hộ nông dân có diện tích canh tác ở mức thấp, dưới 0,5 ha.

Đất nông nghiệp không tăng, trong khi đó số khẩu trung bình hàng năm tăng lên 313.000 người, khiến bình quân ruộng đất trên đầu người giảm mạnh. Đến năm 1998, bình quân ruộng đất/đầu người còn 665 m², giảm 195 m² so với năm 1987 (860 m²). Ở một số tỉnh như Hưng

Yên, Hải Dương, Nam Định..., con số này còn thấp hơn nhiều, thậm chí có nơi còn dưới 1 sào Bắc bộ (tức dưới 360 m²/khẩu).

Trước thực trạng đó, nhằm khắc phục mâu thuẫn gay gắt giữa sự gia tăng dân số và sự giảm sút nhanh chóng diện tích gieo trồng, một số địa phương đã kịp thời khuyến khích các hộ nông dân chuyển sang hoạt động phi nông nghiệp, hoặc tìm cách chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và đa dạng hóa các ngành nghề sản xuất.

2. Tình trạng phân tán và manh mún ruộng đất

Ngoài lý do lịch sử (ruộng đất ở vùng CTSH vốn bị xé nhỏ từ thời phong kiến và thuộc địa), nguyên nhân trực tiếp của tình trạng này là chính sách giao khoán ruộng đất theo nguyên tắc bình quân chủ nghĩa, “có tốt, có xấu, có gần, có xa” dựa trên số nhân khẩu hoặc lao động của mỗi gia đình nhận ruộng. Mỗi hộ thường phải canh tác trên 10 mảnh ruộng, cá biệt có nơi 15-20 mảnh. Thêm vào đó, diện tích các mảnh ruộng cũng rất nhỏ. Cá biệt có những nơi như ở Bắc Giang, Bắc Ninh, mảnh ruộng rộng nhất do được không quá 10 thước (khoảng 210 m²)⁽⁹⁾. Tình trạng manh mún ruộng đất như trên đã và đang ảnh hưởng xấu đến hiệu quả của sản xuất và sự phát triển của kinh tế hàng hóa trong nông nghiệp. Khắc phục tình trạng đó, một số địa phương bắt đầu thực hiện biện pháp dồn điền, đổi thửa. Nhưng, chế độ phân chia và giao ruộng đất hiện nay đã làm chậm tiến độ và hạn chế hiệu quả của quá trình này ở các địa phương. Đó là chưa kể, cho đến nay, Nhà nước vẫn chưa có chính sách và hướng dẫn cụ thể để thực hiện giải pháp nói trên.

3. Hiện tượng tích tụ, tập trung ruộng đất một cách tự do đang có xu hướng gia tăng

Mặc dù đây là một xu hướng phát triển tất yếu của nền kinh tế thị trường hiện nay, nhưng quá trình tích tụ ruộng đất trên thực tế đang làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp do quá trình chuyển nhượng không được thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Hầu hết các hộ chuyển nhượng ruộng đất theo phương thức mua bán trao tay mà không làm thủ tục tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thực trạng trên đòi hỏi

các cấp chính quyền phải có các biện pháp cụ thể và kiên quyết hơn nhằm kiểm soát và tiến tới chi phối chiều hướng hoạt động của thị trường quyền sử dụng đất đai nói chung, ruộng đất nói riêng, tạo điều kiện cho nền nông nghiệp ở CTSH và cả nước tiếp tục phát triển lành mạnh và nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

(1) Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. *Nông nghiệp Việt Nam 61 tỉnh và thành phố*, Nxb Nông nghiệp, H., 2001, tr.137-139.

(2), (3) Tổng cục Thống kê: *Số liệu nông nghiệp Việt Nam 35 năm (1956-1990)*. H., 1991, tr.61,67; 22.

(4), (5) Tổng cục Địa chính: *Hiện trạng sử dụng đất đai theo đơn vị hành chính năm 2002 (khu vực đồng bằng Bắc bộ)*. Hiện trạng sử dụng đất năm 2002.

(6) Đinh Huyền, Thái Bá Lý: *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Cẩm Bình*. Báo Nhân Dân số ra ngày 21-3-1994, tr.2.

(7) Nguyễn Oanh, Nguyễn Thế Đắc: *Thái Bình đang đáp CNH, HĐH nông thôn*. Báo Thái Bình số ra ngày 14-3-1996, tr.2.

(8) Nguyễn Văn Khánh: *Biến đổi cơ cấu ruộng đất và kinh tế nông nghiệp ở vùng CTSH trong thời kỳ đổi mới (qua khảo sát một số làng xã)*, Nxb CTQG, H., 2001, tr.23.

(9) Trương Hữu Quýnh: *Mấy suy nghĩ về nông thôn đồng bằng Bắc Bộ nhìn từ góc độ sở hữu*, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 4 năm 1993, tr.4.